

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **613/2022/HC-PT**
Ngày 23 tháng 12 năm 2022
V/v : *Khiếu kiện quyết định hành
chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 304/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 9 năm 2021, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST, ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11653/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Cụ Đồng Thị L, sinh năm 1937; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);
2. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1958; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);
3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1962; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (có mặt);
4. Bà Trần Thị HH, sinh năm 1960; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);
5. Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);

6. Bà Trần Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);
Người đại diện theo ủy quyền của cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T là: Ông Đỗ Trung K, sinh năm 1978; nơi cư trú: Quận B, thành phố H, (có mặt);

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố H.
2. Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên là: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên: Ông Đinh Chính Quyền, là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố H được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố H ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 2898/QĐ-UBND ngày 15/5/2020, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);
2. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1958; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);
3. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1998; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (vắng mặt);
4. Ông Đàm Văn T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Huyện Th, thành phố H, (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, những người khởi kiện là cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T và Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện trình bày:

Ngày 10/4/1975, ông Trần Huy Tam (là chồng của bà Đồng Thị L) và ông Bùi Văn Nhiên đã lập văn tự chuyển nhượng đất ở cho vợ chồng ông Tam bà Luận một thửa đất có vị trí phía Tây giáp Quốc lộ 10, bắc giáp nhà ông Nhiên, Đông và Nam giáp cánh đồng. Tại biên bản đo đạc làm thủ tục hợp pháp hóa quyền sử dụng ruộng đất ngày 18/10/1984 của Ban quản lý ruộng đất xã Tân Dương đã xác nhận địa giới hành chính của thửa đất nhận chuyển nhượng giữa ông Tam và ông Nhiên như sau: Đông dài 26 m giáp ruộng canh tác của Hợp tác xã; Tây dài 26 m giáp Quốc lộ 10; Nam dài 21m giáp ruộng; Bắc dài 21m giáp đất ông Đáp, tổng diện tích là 546 m². Sau quá trình sử dụng có coi nói, diện tích sử dụng thực tế của gia đình là khoảng 750m².

Ngày 28/12/2018, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Th, thành phố H đã ra Thông báo về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh lộ 359 đoạn từ Cầu Bính đến thị trấn Núi Đèo đoạn qua xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên. Ngày 11/10/2019, UBND huyện Th, thành phố H đã ban hành các Quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ-UBND, số 5570/QĐ-UBND, số 5571/QĐ-UBND, số 5572/QĐ-UBND, số 5573/QĐ-UBND để thu hồi của những người khởi kiện nêu trên mỗi hộ là 6,6m² đất ở, tổng diện tích thu hồi đất ở là 33m². Ngày 03/3/2020, UBND huyện Thủy Nguyên tiếp tục ban hành các Quyết định từ 748/QĐ-UBND tới 751/QĐ-UBND để sửa các quyết định thu hồi đã ban hành từ số 5569/QĐ-UBND tới 5573/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 với nội dung: Sửa mục đích sử dụng 6,6m² đất ở bị thu hồi thành đất thuộc phạm vi bảo vệ đường giao thông. Đồng thời đã ban hành Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc thu hồi 33m² đất ở để bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 719 của bà Đồng Thị L. Khi không nhận được sự đồng thuận của các hộ dân, ngày 20/3/2020, UBND huyện Thủy Nguyên đã ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với 33m² đất ở của hộ bà Đồng Thị L và 33m² đất xác định là đất hành lang giao thông của các hộ con bà Luận.

Theo những quyết định nêu trên của UBND huyện Thủy Nguyên, những người khởi kiện cho rằng Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 và các quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Số 1191/QĐ-UBND ngày 20/3/2020, số 1192/QĐ-UBND ngày 20/3/2020, số 1193/QĐ-UBND ngày 20/3/2020, số 1194/QĐ-UBND ngày 20/3/2020, số 1195/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H ban hành là không đúng quy định pháp luật, bởi các lý do người khởi kiện đưa ra như sau:

1. Đất bị thu hồi là đất ở nhưng khi thu hồi không được bồi thường.

Theo Biên bản đo đạc ruộng đất ngày 18/10/1984 của Ban quản lý ruộng đất xã Tân Dương đã xác định vị trí thửa đất của gia đình ông Tam (sau này là của những người khởi kiện) với các cạnh: Phía Đông dài 26m giáp ruộng canh tác của Hợp tác xã; Tây dài 26m giáp quốc lộ số 10; Nam dài 21m giáp ruộng; Bắc dài 21m giáp đất ông Đáp. Như vậy, từ thời điểm năm 1984, quyền sử dụng diện tích đất của gia đình bà Luận được xác nhận chiều dài phía Tây giáp quốc lộ số 10 (nay là Tỉnh lộ 359) có chiều dài 26m. Và vị trí thửa đất là giáp quốc lộ, không hề xác định thửa đất cách quốc lộ bao nhiêu mét. Thực tế gia đình bà Luận đã sử dụng thửa đất từ năm 1975 sát mép quốc lộ. Sau khi coi nói xung quanh để quản lý sử dụng và không có tranh chấp với ai từ năm 1984 thì diện tích thực tế sử dụng của những người khởi kiện là khoảng 750m². Đến năm 2015 khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện Thủy Nguyên chỉ cấp theo diện tích trong sổ mục kê và biên bản giải thửa của xã Tân Dương năm 1984 mà không để ý tới ranh giới vị trí thửa đất. Phần đất đã sử dụng ổn định từ trước năm 1993 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận là khoảng 200m² và trước khi có quyết định thu hồi đất gia đình bà Luận vẫn sử dụng bình thường. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về xác định loại đất thì khoảng 200m² đất của gia đình bà Luận và các con giáp Quốc lộ 10 cũ phải được xác định là đất ở. Tuy nhiên, hiện nay toàn bộ diện tích này chỉ có 33m² có quyết định thu hồi là đất ở và được bồi thường, phần diện tích còn lại không được bồi thường. Những người khởi kiện cho rằng, từ việc xác định sai nguồn gốc đất đã dẫn đến UBND huyện Thủy Nguyên phê duyệt phương án bồi thường không chính xác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người khởi kiện.

2. Vi phạm thủ tục thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định tại Điều 66, 67 của Luật Đất đai năm 2013.

Từ đó, những người khởi kiện đề nghị Tòa án quyết định:

1. Hủy Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Hủy Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

3. Hủy Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

4. Hủy Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

5. Hủy Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

6. Hủy Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

7. Đề nghị UBND huyện Th, thành phố H bồi thường diện tích đất thu hồi là đất ở theo đúng giá trị quy định và yêu cầu bồi thường tài sản trên đất ở bị thu hồi theo đúng quy định tại Điều 89 của Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể, 04 hộ dân bà Nhung, bà Thanh, bà Hà, bà Hương đề nghị được bồi thường 100% giá trị tài sản do các tài sản xây dựng trên đất hợp pháp của cụ Luận chứ không phải chỉ bồi thường 30% giá trị tài sản trên đất như UBND huyện Thủy Nguyên đã bồi thường.

- *Quá trình giải quyết vụ án, Người bị kiện và Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thống nhất trình bày:*

- Về nguồn gốc đất:

Theo tài liệu do hộ gia đình cung cấp, 01 giấy văn tự nhượng đất ở đề ngày 10/4/1975. Nội dung văn tự thể hiện, hộ ông Bùi Văn Nhiên và vợ là bà Nguyễn Thị Sôi đã chuyển nhượng cho hộ ông Trần Văn Tam diện tích đất ở khoảng 450m², có các vị trí giáp ranh và có chữ ký của bên bán bên mua nhưng không có xác nhận của địa phương hay người làm chứng. Ngày 18/10/1984, ban quản lý ruộng đất xã Tân Dương có biên bản đo đạc làm thủ tục hợp pháp hóa quyền sử dụng ruộng đất, với diện tích 546m² có các cạnh giáp ranh cụ thể: Phía Đông dài 26m giáp ruộng hợp tác xã, phía Tây dài 26m giáp đường Quốc lộ 10, phía Nam dài 21m giáp ruộng canh tác, phía Bắc dài 21m giáp đất ông Điệp. Biên bản có chữ ký của ông Bùi Văn Nhiên là bên nhượng đất, ông Trần Tam là chủ hộ, ông Nguyễn Văn Thanh là đại diện ban quản lý ruộng đất của xã Tân Dương nhưng không có xác nhận của chính quyền.

Tại sổ mục kê năm 1984 có ghi nội dung là: Thửa số 719, tờ bản đồ 01, diện tích đăng ký 546m², loại đất T (thổ cư), chủ sử dụng Trần Văn Tam.

Đối chiếu với bản đồ giải thửa năm 1984 lưu tại UBND xã Tân Dương thể hiện: Thửa số 719, tờ bản đồ số 01 có các mặt ranh giới tiếp giáp các thửa đất sau: Phía bắc giáp thửa số 725, phía Đông giáp thửa số 721 và thửa 722, phía Nam giáp thửa 726, phía Tây giáp thửa 720 và giáp Quốc lộ 10. Như vậy, phía Tây của thửa 719 không hoàn toàn giáp Quốc lộ 10 mà còn giáp với thửa 720. Vị trí của thửa 720 thể hiện tại sổ mục kê và bản đồ giải thửa năm 1984 như sau: Tại trang 24 dòng 30 sổ thửa 720, tờ bản đồ 01, diện tích 912m², loại đất M (Mạ), chủ sử dụng 2 (Đội 2); có các giáp ranh là: Phía bắc giáp thửa số 719, phía Đông giáp thửa số 719, phía Nam giáp đường liên thôn, phía Tây giáp đường Quốc lộ 10. Từ đó có thể khẳng định, các hộ bà Tuyết, bà Thanh, bà Nhung, bà Hà, bà Hương đã sử dụng đất lấn chiếm của thửa 720 là đất công ích của xã từ sau năm 1984 nên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc những người khởi kiện yêu cầu xác định diện tích đất đã bị thu hồi là đất ở và yêu cầu được bồi thường 100% tài sản trên đất là không có căn cứ.

Về trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng:

Ngày 28/12/2018, UBND huyện Th, thành phố H ban hành Thông báo số 569/TB-UBND về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo Đường tỉnh lộ 359 đoạn từ cầu Bính đến thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên. Trên cơ sở đó, ngày 11/10/2019, UBND huyện Thủy Nguyên đã lần lượt ban hành các quyết định thu hồi đất của các hộ dân, gồm: Quyết định số 5569/QĐ-UBND, quyết định số 5570/QĐ-UBND, quyết định số 5571/QĐ-UBND, quyết định số 5572/QĐ-UBND, quyết định số 5573/QĐ-UBND cùng nội dung thu hồi của mỗi hộ dân 6,6m² đất ở. Sau khi rà soát, xác minh, ngày 03/3/2020 UBND huyện Thủy Nguyên điều chỉnh việc thu hồi đất của các hộ dân tại các quyết định số 748/QĐ-UBND, quyết định số 749/QĐ-UBND, quyết định số 750/QĐ-UBND, quyết định số 751/QĐ-UBND, quyết định số 752/QĐ-UBND, quyết định số 753/QĐ-UBND với nội dung điều chỉnh diện tích đất bị thu hồi là đất thuộc phạm vi bảo vệ đường giao thông và thu hồi của hộ bà Đồng Thị L là 33m² đất ở. Sau khi tiến hành kiểm đếm, đo đạc và lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ thì UBND huyện Thủy Nguyên đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ gửi cho các hộ dân (có biên bản giao nhận).

- Về trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi đất: UBND huyện Th, thành phố H đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013.

Từ những lý do trên, UBND huyện Thủy Nguyên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhưng hết thời hạn quy định vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện, đồng thời vắng mặt tại các phiên tòa mà không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Kh có mặt tại phiên tòa thống nhất với lời trình bày của người khởi kiện, không bổ sung gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ Điều 32, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 66, 69, 70, 71, 74, 76, 82, 100, 101 của Luật Đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Bích N về các nội dung sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1191/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Đề nghị UBND huyện Th, thành phố H bồi thường diện tích đất thu hồi là đất ở theo đúng giá trị quy định và yêu cầu bồi thường tài sản trên đất ở bị thu hồi theo đúng quy định tại Điều 89 của Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/3/2021, cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T (người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Đỗ Trung K) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Trần Thị H và ông Đỗ Trung K (Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện) giữ kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã Tân Dương vào tham gia tố tụng để xem xét quá trình sử dụng đất, sổ mục kê qua các thời kỳ...của hộ cụ Luận (đối chiếu thửa đất 719 với thửa 720); không xem xét từ trước tới nay Quốc lộ 10 đã nâng cấp cải tạo nhiều lần, đã mở rộng lòng đường và đã lấn vào diện tích đất hợp pháp của gia đình cụ Luận nhưng đến nay UBND huyện Thủy Nguyên vẫn trù hành lang giao thông là không đúng. Ngoài ra, năm 1993 gia đình cụ Luận còn mua thêm 70m² đất của ông Điền. Do đó, UBND huyện Thủy Nguyên thu hồi đất mà không được đền bù hết diện tích đất thu hồi là không đúng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T (người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Đỗ Trung K) trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất và đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là có căn cứ. Tuy nhiên, người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện Th, thành phố H về việc cưỡng chế thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định và không quyết định đối với yêu cầu khởi kiện này là bỏ sót yêu cầu khởi kiện. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo và kiến nghị Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, tiếp tục được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đồng thời căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt một số người khởi kiện có kháng cáo, vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan. Tuy nhiên, những người khởi kiện vắng mặt đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa; người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ; sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính xử vắng mặt những người này.

[2] Về các nội dung khởi kiện:

[2.1] Về yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện Thủy Nguyên về thu hồi đất, diện tích thu hồi là 33m² đất ở của cụ Đồng Thị L. Lý do người khởi kiện cho rằng diện tích đất bị thu hồi trước cửa nhà mình theo dự án mở rộng đường 359 mà UBND huyện Thủy Nguyên chỉ bồi thường 33m² đất ở, còn lại xác định là đất hành lang giao thông và không bồi thường là không đúng.

[2.1.1] Xét nguồn gốc đất cho thấy: Ngày 10/4/1975, ông Trần Văn Tam và ông Bùi Văn Nhiên đã lập văn tự chuyển nhượng đất ở với nội dung ông Nhiên chuyển nhượng cho ông Tam bà Luận một thửa đất có diện tích khoảng 450m², vị trí giáp ranh như sau: Phía Tây giáp Quốc lộ 10, Bắc giáp nhà ông Nhiên, Đông và Nam giáp cánh đồng. Văn tự chỉ có chữ ký đại diện bên bán là ông Nhiên và đại diện bên mua là ông Tam, không có xác nhận của địa phương. Ngày 18/10/1984, Ban quản lý ruộng đất xã Tân Dương lập biên bản đo đạc làm thủ tục hợp pháp hóa quyền sử dụng ruộng đất đã xác nhận địa giới chính xác của thửa đất nhận chuyển nhượng giữa ông Nhiên và ông Tam có diện tích là 546m² có các cạnh giáp ranh: Phía Đông dài 26m giáp ruộng Hợp tác xã, phía Tây dài 26m giáp đường Quốc lộ 10, phía Nam dài 21m giáp ruộng canh tác, phía Bắc dài 21m giáp đất ông Điệp. Biên bản có chữ ký của ông Bùi Văn Nhiên là bên nhượng đất, ông Trần Tam là chủ hộ, ông Nguyễn Văn Thanh là đại diện ban quản lý ruộng đất xã Tân Dương, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Biên bản nêu rõ sau khi được đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ông Trần Tam thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, chính sách và sử dụng đất đúng mục đích, theo pháp lệnh của nhà nước đã ban hành.

[2.1.2] Đối chiếu với sổ mục kê năm 1984 lưu tại UBND xã Tân Dương có ghi nhận: Thửa số 719, tờ bản đồ 01, diện tích đăng ký 546m², loại đất T (thổ cư), chủ sử dụng Trần Văn Tam. Như vậy, đã xác định được thửa đất của ông Trần Văn Tam là thửa số 719.

[2.1.3] Đối chiếu tại bản đồ giải thửa năm 1984 lưu tại UBND xã Tân Dương thể hiện vị trí giáp ranh của thửa 719 như sau: Phía bắc giáp thửa số 725, phía Đông giáp thửa số 721 và thửa 722, phía Nam giáp thửa 726, phía Tây giáp thửa 720 và giáp Quốc lộ 10.

Ở đây, đặc biệt quan tâm đến vị trí giáp ranh phía Tây của thửa 719 là giáp với thửa 720 và Quốc lộ 10. Nguồn gốc của thửa 720 được ghi nhận tại sổ mục kê của xã Tân Dương lập năm 1984 lưu tại UBND xã Tân Dương: Tại trang 24 dòng 30, thửa số 720, tờ bản đồ số 01, diện tích 912m², loại đất (M) (đất mạ), chủ sử dụng 2 (Đội 2). Cũng trên bản đồ giải thửa, vị trí giáp ranh của thửa 720 được thể hiện như sau: Phía bắc giáp thửa số 719, phía Đông giáp thửa số 719, phía Nam giáp đường liên thôn, phía Tây giáp đường Quốc lộ 10. Bản đồ giải thửa lập năm 1984 lưu tại UBND xã Tân Dương được lập căn cứ theo chỉ thị 299 của Hội đồng bộ trưởng về việc đăng ký thống kê và quản lý ruộng đất. Đây được xem là một tài liệu quan trọng, là một trong căn cứ để xác định điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, có thể thấy phía Tây của thửa 719 là giáp với thửa 720 và Quốc lộ 10, hay nói cách khác là thửa 719 chỉ có một phần diện tích nhỏ giáp đường Quốc lộ 10 còn lại là giáp với thửa 720. Thửa 720 có vị trí chạy dọc đường 10, ngăn cách đường 10 với thửa 719 và việc hộ gia đình bà Luận sử dụng là lấn chiếm sử dụng phần đất của thửa 720 sau năm 1984 để thành đất mặt đường 10 sau này. Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định 203-HĐBT ban hành ngày 21 tháng 12 năm 1982 về hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ như sau: “1. Đối với đường tỉnh từ mái chân đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, cụ thể: Hệ thống đường quốc lộ là 20m”. Do đó, diện tích đất lấn chiếm của gia đình cụ Luận không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thuộc vào hành lang giao thông bảo vệ công trình đường bộ được quy định từ năm 1982.

[2.1.4] Vào các năm 1993, 1994, 2015, cụ Trần Văn Tam và vợ là cụ Đồng Thị L lần lượt thực hiện việc chia tách thửa đất số 719 cho các con và đã hoàn thiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Bà Trần Thị T sử dụng diện tích 105.4m², bà Trần Thị Th sử dụng diện tích 106.5m², bà Trần Thị Bích N sử dụng diện tích 93.2m², bà Trần Thị HH sử dụng diện tích 103.2m², bà Trần Thị H sử dụng diện tích 104.7m². Tổng diện tích hiện trạng chia cho các con là 513m², thiếu 33m² so với sổ mục kê. Đối chiếu với bản đồ giải thửa năm 1984 thì 33m² đất còn thiếu này nằm ở phía trước nhà của bà Tuyết, đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đã được ghi nhận trong sổ mục kê và biên bản đo đạc hợp pháp hóa quyền sử dụng đất của xã Tân Dương lập năm 1984. Do đó, UBND huyện Thủy Nguyên đã ban hành quyết định số 753 ngày 03/3/2020 với nội dung thu hồi 33m² đất ở của cụ Đồng Thị L và bồi thường 100% về đất và tài sản trên đất. Đối với phần đất của hộ bà Tuyết, bà Thanh, bà Nhung, bà Hương, bà Hà bị thu hồi, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó không được bồi thường về đất. Về tài sản trên đất, UBND huyện Thủy Nguyên đã áp dụng hỗ trợ 30% mức giá quy định tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/2/2015 của UBND thành phố Hải Phòng.

[2.1.5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đề nghị hủy quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND huyện Thủy Nguyên và đề nghị bồi thường đất bị thu hồi là đất ở và 100% giá trị tài sản trên đất của những người khởi kiện.

[2.2] Về yêu cầu hủy bỏ các quyết định số 1191/QĐ-UBND, quyết định số 1192/QĐ-UBND, quyết định số 1193/QĐ-UBND, Quyết định 1194/QĐ-UBND, Quyết

định số 1195/QĐ-UBND được UBND huyện Thủy Nguyên ban hành ngày 20/3/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Trước khi ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, UBND huyện Thủy Nguyên đã nhiều lần đối thoại với những người khởi kiện nhưng người khởi kiện đều không thống nhất về diện tích đất thu hồi và loại đất thu hồi. Trên cơ sở tờ trình số 41/TTr-TNMT ngày 20/3/2020 của Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Thủy Nguyên, Chủ tịch UBND huyện Thủy Nguyên đã ký các quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1191, 1192, 1193, 1195/QĐ-UBND ngày 20/3/2020. Ngày 23/3/2020, Chủ tịch UBND huyện Thủy Nguyên ký quyết định số 1212/QĐ-CT về việc thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất với đầy đủ các thành viên quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Ngày 25/3/2020 và ngày 07/4/2020, Ban thực hiện cưỡng chế tiếp tục tổ chức đối thoại với những người khởi kiện nhưng đều không thống nhất được việc thu hồi đất. Các quyết định cưỡng chế đã được niêm yết công khai ngày 25/3/2020 tại UBND xã Tân Dương và địa điểm khu dân cư nơi có đất thu hồi (có biên bản niêm yết). Ngày 22/4/2020, Ban cưỡng chế có Thông báo về việc cưỡng chế, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, thời gian tổ chức cưỡng chế từ 13 giờ 30 phút ngày 23/4/2020. Ngày 22/4/2020, bà Hương, Nhung, Hà đã đồng ý bàn giao cây cối, vật kiến trúc trên đất để thi công thực hiện dự án. Ngày 23/4/2020, Ban cưỡng chế thực hiện cưỡng chế đối với gia đình cụ Đồng Thị L. Từ đó khẳng định, UBND huyện Thủy Nguyên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013.

Cụ thể: Ngày 20/3/2020, UBND huyện Thủy Nguyên lần lượt ban hành các quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1192/QĐ-UBND thu hồi của hộ bà Trần Thị HH 27.8m² đất công; số 1191/QĐ-UBND thu hồi của hộ bà Trần Thị H 28.2m² đất công, số 1193/QĐ-UBND thu hồi của hộ bà Trần Thị Bích N 25.9m², số 1195/QĐ-UBND thu hồi của hộ bà Đồng Thị L 33m² đất ở.

Tuy nhiên, Quyết định cưỡng chế số 1194/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thủy Nguyên, cưỡng chế thu hồi đất của bà Trần Thị Th 34,6m². Bà Thanh khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế này, Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định và không quyết định, nay những người khởi kiện kháng cáo (bà Thanh kháng cáo). Do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là bỏ sót yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét theo trình tự phúc thẩm và không thể khắc phục được. Nên, cần thiết phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng qui định của pháp luật. Do những người khởi kiện có kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm, do đó kháng cáo của những người khởi kiện được chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm phía người khởi kiện cho còn cung cấp thêm tài liệu là năm 1993, cụ Luận còn mua thêm 70m² đất của ông Điền, tài liệu này chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm, khi xem xét giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét lại giá trị pháp lý của văn bản này và cần xem xét quá trình sử dụng đất, kê khai, bản đồ các thời kỳ... đối với diện tích đất hộ cụ Luận và các lần mở rộng Quốc lộ 10 để xem xét diện tích đất đã được thu hồi của hộ cụ Luận để làm Quốc lộ 10.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, nên cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Án phí sơ thẩm được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; chấp nhận kháng cáo của cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T.

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa: Người khởi kiện là cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T với người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố H và Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Kh, chị Nguyễn Thị Phương Th, ông Đàm Văn T.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[2]. Án phí hành chính sơ thẩm được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án.

[3]. Án phí hành chính phúc thẩm: Cụ Đồng Thị L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị Th, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Bích N không phải nộp. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Bích N, bà Trần Thị T, bà Trần Thị HH, bà Trần Thị H, bà Đồng Thị L, bà Trần Thị Th số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0018859, 0018861, 0018862, 0018863, 0018864, 0018865 cùng ngày 14/4/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSCC tại Hà Nội;
- Tòa án ND tp Hải Phòng;
- Viện KSND tp Hải Phòng;
- Cục THADS tp Hải Phòng;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng